

Bản án số: **80/2024/HS-ST**
Ngày: 25/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Lâm Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tô Văn Ngọc**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Đăng Hùng**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga**- Kiểm sát viên

Ngày 25/4/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 01/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HS ngày 10/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Ngọc K**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn SM, xã VL, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phan Văn M và bà Lê Thị H; Có vợ là Lê Thị T (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014. Theo danh chỉ bản số 99 của Công an huyện A lập ngày 25/01/2024 xác định: Tiền án, tiền sự và nhân thân:

- Ngày 27/4/2015, Công an huyện A xử phạt hành chính về hành vi: Xâm hại sức khỏe của người khác.

- Ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện A ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong ngày 26/8/2022.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày **18/01/2024**. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh **Phan Đức D**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu XT, xã PV, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn CĐ, xã HB, huyện A, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã VL, huyện A, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Tối ngày 03/01/2024, Phan Ngọc K thuê phòng nghỉ qua đêm tại nhà nghỉ MV thuộc Thôn SM, xã VL, huyện A, TP. Hà Nội. Sáng hôm sau, K xuống quầy lễ tân thanh toán tiền phòng hết 350.000 đồng nhưng do không đủ tiền nên K để lại 01 điện thoại OPPO của K để làm tin, khi nào có tiền sẽ quay lại trả tiền phòng và lấy điện thoại. Khoảng 20h20 cùng ngày, K đến gặp anh Phan Đức D tại phòng trọ ở thôn SM chơi. Tại đây, K hỏi mượn xe máy của anh D bảo để đi lấy điện thoại. Anh D đồng ý và giao xe máy Honda AirBlade, sơn màu xám đen, BKS: 99D1- 354.30 cho K mượn. Trên đường đi chuộc điện thoại, do không hỏi vay được tiền nên K nảy sinh ý định cầm cổ xe máy của anh D lấy tiền tiêu xài. K đến nhà nghỉ MV, gặp lễ tân mượn lại điện thoại rồi gọi điện cho Nguyễn Quốc T nói có xe máy Honda AirBlade muốn đặt làm tin để vay 7.000.000 đồng và không nói gì về nguồn gốc xe. Anh T đồng ý, hẹn gặp K tại cổng chợ đầu mối BTL thuộc thôn CD, xã HB, huyện A, Hà Nội. Sau đó, K trả lại điện thoại cho lễ tân nhà nghỉ rồi một mình điều khiển xe máy đến gặp anh T. Sau khi nhận điện thoại của K, anh T gọi điện cho chị Nguyễn Thị H nói về việc K muốn vay tiền để lại xe máy và hỏi chị H có đồng ý không. Chị H đồng ý, nhờ anh T đứng ra nhận xe rồi đem 7.000.000 đồng đến giao cho anh T tại cổng chợ đầu mối BTL. Khoảng 20h45' cùng ngày, K gặp anh T tại cổng chợ đầu mối, K giao cho anh T chiếc xe máy và nhận của anh T 7.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, K thuê xe taxi về nhà nghỉ MV thanh toán tiền thuê phòng và nhận lại điện thoại.

Ngày 05/01/2024, do cần thêm tiền tiêu xài nên K liên lạc với anh T muốn vay thêm 2.000.000 đồng. Anh T báo lại cho chị H biết. Chị H đồng ý rồi chuyển khoản 2.000.000 đồng từ tài khoản OCB 0328579xxx của chị H đến tài khoản ViettinBank 0378173xxx của anh T. Sau đó, anh T chuyển khoản tiếp đến số tài khoản Techcombank 19032420798xxx của K. Chiều cùng ngày, anh D gọi điện cho K đòi xe thì được K cho biết chiếc xe máy đã được đem đi cầm cố. Anh D yêu cầu K chuộc lại xe. Do K chỉ còn 2.700.000 đồng nên K bảo anh D vay thêm tiền để chuộc xe. Sau đó, K chuyển khoản 2.700.000 đồng cho anh T và bảo sẽ chuyển khoản nốt để chuộc xe sau. Nhưng do anh D không vay được tiền nên K đề nghị anh T chuyển trả lại tiền. Anh T báo lại việc trên cho chị H biết, chị H bảo anh T giữ lại 700.000 đồng tiền lãi, bao giờ K có tiền thì trả 9.000.000 đồng tiền gốc rồi lấy xe về. Anh T nói lại thì K đồng ý và chuyển khoản trả lại cho K 2.000.000 đồng còn 700.000 đồng chuyển khoản cho chị H. Khoảng ngày 08/01/2024, chị H gọi điện cho K nói chị H đang nhận cầm cố xe của K, khi nào chuộc xe thì liên lạc với chị H, anh T không liên quan nữa. Khoảng ngày 13/01/2024, K cho anh D biết chị H là người nhận cầm cố xe máy của anh D và cho anh D số điện thoại của chị H để liên lạc chuộc xe. Khi anh D liên hệ, chị H yêu cầu anh D trả 9.000.000 đồng sẽ cho chuộc xe. Cùng ngày, anh D Công an xã VL để trình báo sự việc.

Vật chứng tạm giữ:

- Của chị Nguyễn Thị H:

+ 01 xe máy Honda AirBlade, BKS: 99D1 - 354.30, số máy: JF63E1813665; số khung: 6300FZ820603;

+ 01 điện thoại Iphone 14 promax, bên trong lắp sim 0328579xxx.

- Cửa Phan Ngọc K: 01 điện thoại OPPO, bên trong lắp sim 0878948xxx.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 26/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 99D1-354.30 trị giá **13.000.000** đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Ngọc K khai nhận diễn biến sự việc, hành vi phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với chiếc xe máy Honda AirBlade, BKS: 99D1 - 354.30 là tài sản hợp pháp của anh D; chiếc điện thoại Iphone 14 promax kèm sim là tài sản hợp pháp của chị H, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc điện thoại OPPO, lắp sim 0878948xxx của K sử dụng để gọi điện, liên lạc về việc cầm cố xe máy, xác định là vật chứng của vụ án, chuyển Tòa án nhân dân huyện A giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H không biết chiếc xe máy nhận cầm cố là tài sản do K chiếm đoạt được nên không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản” của anh T, chị H vi phạm điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ nên ngày 12/3/2024, Công an huyện A đã có Công văn đề nghị Chủ tịch UBND huyện A xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T, chị H.

Về phần dân sự: Anh D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị H yêu cầu K trả lại cho chị H số tiền 8.300.000 đồng K nhận tiền từ việc cầm cố xe máy nhưng chưa trả.

Cáo trạng số 56/CT-VKSĐA ngày 27/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A quyết định truy tố: Phan Ngọc K về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

* Bị cáo Phan Ngọc K khai và thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy Honda AirBlade, BKS: 99D1 - 354.30 của anh Phan Đức D như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 8.300.000 đồng nhưng sẽ trả sau khi bị cáo chấp hành án xong.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo rất ăn năn, hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt: Phan Ngọc K từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:
 - + Anh D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
 - + Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 8.300.000 đồng.
- Về xử lý vật chứng:
 - + Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO tạm giữ của bị cáo.
 - + Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim số thuê bao 0878948xxx.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo và những đối tượng liên quan:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 04/01/2024, tại Thôn SM, xã VL, huyện A, TP. Hà Nội, bị cáo Phan Ngọc K đã lợi dụng mối quan hệ, lòng tin của anh Phan Đức D để mượn xe máy Honda AirBlade, BKS: 99D1 - 354.30. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng xe, K nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh D và đã mang cầm cố chiếc xe trên để lấy số tiền 9.000.000 đồng nhưng không trả lại được. Trị giá chiếc xe máy của anh D bị K chiếm đoạt là **13.000.000** đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình bảo vệ mà còn xâm phạm trật tự công cộng, an toàn xã hội trên địa bàn huyện A. Ngoài ra, trong vụ án này còn ảnh hưởng đến các cá nhân trong các giao dịch, quan hệ dân sự được xác lập. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra, song do tham lam tư lợi, thiếu tu dưỡng nên vẫn cố tình thực hiện.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Phan Ngọc K phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

Điều 175:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Việc đưa bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời đấu tranh, tuyên truyền, phòng ngừa chung là cần thiết.

Đối với anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H không biết chiếc xe máy nhận cầm cố là tài sản do K chiếm đoạt được nên không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản” của anh T, chị H vi phạm điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ nên ngày 12/3/2024, Công an huyện A đã có Công văn đề nghị Chủ tịch UBND huyện A xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T, chị H là đúng quy định.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo:

- Về tiền án: Bị cáo không có tiền án.

- Về tiền sự và nhân thân:

+ Ngày 27/4/2015, Công an huyện A xử phạt hành chính về hành vi: Xâm hại sức khỏe của người khác. Đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xác định tiền sự này đã được xóa.

- Ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện A ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong ngày 26/8/2022. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính trong trường hợp này là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong. Như vậy, tiền sự này chưa được xóa.

Bị cáo được đánh giá là có nhân thân xấu.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại có đề nghị khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Khi lượng hình, Tòa án xét đến nhân thân, tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng. Cụ thể: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nhưng với lỗi cố ý, có ý định chiếm đoạt từ sau khi mượn được xe máy của bị hại thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường quyền đối với tài sản của người khác. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, hậu quả vụ án chưa được khắc phục toàn bộ nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với mức độ hành vi, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá giá trị tài sản chiếm đoạt không quá lớn, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ ở trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phan Đức D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H buộc bị cáo K trả lại số tiền 8.300.000 đồng: Xét giao dịch cầm cố tài sản giữa bị cáo và chị H thì nhận thấy bên nhận cầm cố tài sản là chị H không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản nên không có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập. Ngoài ra, tài sản cầm cố không phải là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bên cầm cố (Bị cáo). Do đó, đây là giao dịch vô hiệu theo quy định tại Điều 117, 122, 309 Bộ luật dân sự. Hậu quả của giao dịch dân sự được giải quyết theo Điều 131 Bộ luật dân sự, theo đó các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, các khoản lãi liên quan mà các bên tự thỏa thuận với nhau không có cơ sở xem xét. Xác định số tiền chị H đưa cho bị cáo là 9.000.000 đồng, số tiền bị cáo đã trả lại là 700.000 đồng, còn 8.300.000 đồng chưa trả. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị cáo chưa trả lại cho chị H số tiền này. Như vậy, yêu cầu bồi thường của chị H là chính đáng nên cần buộc bị cáo trả lại cho chị H số tiền 8.300.000 đồng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp theo quy định pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động OPPO tạm giữ của bị cáo do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim số 0878948xxx do không còn giá trị sử dụng.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh và một số vấn đề liên quan là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ dân sự trả tiền theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc K phạm tội: *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.*

2. Về hình phạt chính: *Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 175; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Phan Ngọc K **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **18/01/2024**.

3. Về trách nhiệm dân sự: *Căn cứ các Điều 117, 122, 309, 357, 468 Bộ luật dân sự;*

Buộc bị cáo Phan Ngọc K phải trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền **8.300.000** (Tám triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự;
- + Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO.
- + Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim số thuê bao 0878948xxx.

(Tình trạng, đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

5. Về án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 415.000 (Bốn trăm mười lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ có quyền kháng cáo phần Bản án hoặc quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp TP. Hà Nội;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã VL;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình

